

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 11 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thúy Duy;
2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 384/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 705/TB-TA ngày 16 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 770/TB-TA ngày 10 tháng 8 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 467/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 868/TB-TA ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 920/TB-TA ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 07, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Sáng T, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 21, ấp BBT, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Lê Sáng T cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hôn nhân giữa bà H và ông T là do mai mối, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 15/03/2019 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 293/TLKH-BS ngày 15

tháng 3 năm 2019). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ, có lời lẽ xúc phạm bà H, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà H và ông T sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn tình cảm và ông T cũng nhiều lần năn nỉ bà H về chung sống nhưng bà H không đồng ý. Nhận thấy đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H khai không có con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn ông Lê Sáng T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về điều kiện và thời gian đi đến hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông thừa nhận có lời lẽ xúc phạm bà H nhưng đó chỉ là những lời nói đùa của vợ chồng (nói vợ muốn dao cán đen hay cán vàng). Từ đó, bà H giận và sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Ông đã biết việc làm của mình sai mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng và đã nhiều lần năn nỉ bà H nhưng bà H vẫn kiên quyết ly hôn. Gia đình hai bên cũng đã hàn gắn cho cả hai nhưng bà H vẫn không đồng ý. Tại phiên tòa ngày hôm nay, do bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Cả hai chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông có tài sản chung gồm: 1,1 lượng vàng 18 kara; 1,1 lượng vàng 24 kara và một cặp nhẫn cưới 0,5 chỉ vàng 18 kara. Hiện ông đang quản lý 05 chỉ vàng 24 kara, số vàng còn lại do bà H giữ. Ông yêu cầu chia phần tài sản chung này khi ly hôn.

Về nợ chung: Ông T khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà H và ông T không có ý kiến, thống nhất với những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, không yêu cầu triệu tập người làm chứng, không cung cấp chứng cứ mới và không bổ sung, thay đổi hoặc rút lại yêu cầu. Đồng thời, việc hòa giải không thành do ông T không đồng ý ly hôn với bà H.

Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà H giao nộp: Bản chính Bản tự khai ngày 17/02/2021, bản sao Trích lục kết hôn số 293/TLKH-BS ngày 15 tháng 3 năm 2019, bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Trúc H, bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Thành M, bản chính Đơn yêu cầu không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa ngày 22/6/2021.

Tài liệu, chứng cứ do ông T giao nộp: Bản chính Đơn khởi kiện ngày 19/5/2021, Bản chính Bản tự khai ngày 27/5/2021, bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 15/03/2019 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Lê Thị N, bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Sáng T.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 06/4/2021, biên bản ghi lời khai bà Lê Thị N ngày 22/4/2021; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/4/2021; biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và ngày 21/5/2021, biên bản ghi lời khai ông Lê Sáng T ngày 21/5/2021.

Theo biên bản xác minh ngày 06/4/2021, đại diện Công an xã QT, huyện AP cho biết: Ông Lê Sáng T, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 21, ấp BBT, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông T hiện đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên trở về địa phương.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2021, bà Lê Thị N là mẹ ruột ông T cho biết: Hôn nhân của ông T và bà H là do mai mối và tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng T cự cãi rồi H bỏ về nhà mẹ ruột sống từ đầu tháng 11/2020 cho đến nay. Gia đình cha mẹ hai bên có hòa giải cho hai con sống đoàn tụ nhưng không thành. Bà không có ý kiến về việc H và T ly hôn tùy vào các con quyết định. Quá trình chung sống, T và H không có con chung.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2021 thì ông T có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, bà H vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu được ly hôn ông T. Ông T đồng ý ly hôn với bà H nhưng yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phần tài sản chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông T được đưa ra sau khi đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đề nghị không xem xét. Sau này các bên có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà H và ông T hình thành do mai mối và được cha mẹ đồng ý cho tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 15/03/2019). Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 21, ấp BBT, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang nên

vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà H thì thấy: Thời gian không còn chung sống giữa bà H và ông T đã lâu, trong thời gian ly thân, mặc dù gia đình hai bên và ông T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại phiên hòa giải, bà H xác định không còn tình cảm với ông T và kiên quyết ly hôn, ông T ngoài lời khai của mình cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm của bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại phiên tòa, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T xác định không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông T được đưa ra sau khi đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/4/2021 cũng như tại phiên hòa giải ngày 21/5/2021, bà H và ông T đều thống nhất khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các bên, Hội đồng xét xử quyết định nếu sau này các bên có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác và không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Ông T không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông T có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc H được ly hôn với ông Lê Sáng T.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Trúc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0006944 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Lê Sáng T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Lê Sáng T. Bà H và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP cấp cho bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Lê Sáng T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã PH (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn